

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày: 18-02-2025.
“V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự -
hội”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Kiều.
2. Ông Nguyễn Phú Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Thanh Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Trong các ngày 17/02 và 18/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 814/2024/TLST-DS ngày 20/11/2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự - hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 644/2024/QĐXXST-DS ngày 24/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-DS, ngày 08/01/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-DS, ngày 23/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Số A, đường CM, Tổ N, khóm MP, Phường L, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị Hồng N: Ông Dương Minh T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số Q, đường C, tổ D, ấp F, xã MT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Phan Thị NG, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số B, đường CM, Tổ N, khóm MP, Phường L, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Võ Thanh P, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số B, đường CM, Tổ N, khóm MP, Phường L, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông T có mặt tại phiên tòa; bà NG và ông P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Dương Minh T đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị Hồng N là nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị Hồng N với vợ chồng bà Phan Thị NG, ông Võ Thanh P quen biết nhau. Bà NG làm chủ hội với nhiều dây hội khác nhau. Bà N có tham gia của bà NG 02 dây hội cụ thể như sau:

- Dây hội thứ nhất: Ngày 30/01/2022, bà N có tham gia 01 phần hội trong dây hội tháng với số tiền là 5.000.000đồng/tháng do bà NG làm chủ hội, có 13 phần hội, khai hội vào ngày 30 hàng tháng, bắt đầu ngày 30/01/2022 và kết thúc ngày 30/11/2023. Dây hội này bà N là người hốt chót số tiền là 57.500.000 đồng, giao hội ngày 07/12/2023 nhưng đến thời hạn giao tiền thì bà NG không giao cho bà N số tiền 57.500.000 đồng, ngày 23/12/2023 bà NG làm biên nhận nợ hội hứa với bà N hạn chót ngày 30/01/2024 sẽ trả số tiền hội nêu trên cho bà N nhưng đến nay chưa trả.

- Dây hội thứ hai: Ngày 26/8/2023, bà N có tham gia 01 phần hội trong dây hội tháng với số tiền là 3.000.000đồng/tháng do bà NG làm chủ hội, tổng cộng 17 phần hội, khai hội vào ngày 26 tây hàng tháng, bắt đầu ngày 26/8/2023 và kết thúc ngày 26/12/2024. Dây hội này bà N đã đóng cho bà NG 03 lần hội số tiền là 5.300.000đồng (đóng hội sống tháng 8/2023, tháng 9/2023/ tháng 10/2023), đến tháng 11/2023 bà NG bẻ hội, nên dây hội này không tiếp tục mở nữa, bà NG hứa với bà N sẽ trả lại số tiền 5.300.000 đồng này lại cho bà N nhưng vẫn không trả.

Tổng cộng 02 dây hội nêu trên bà NG, ông P nợ bà N số tiền hội là 62.800.000 đồng. Bà N nhiều lần yêu cầu bà NG, ông P trả tiền nhưng bà NG, ông P không trả cho bà N số tiền nêu trên.

Nay bà N yêu cầu bà NG, ông P cùng liên đới phải trả cho bà N số tiền hội là 62.800.000 đồng, không yêu cầu lãi.

Tại phiên tòa, ông Dương Minh T đại diện theo ủy quyền của N yêu cầu bà NG, ông P cùng liên đới phải trả cho bà N số tiền hội là 62.800.000 đồng, không yêu cầu lãi.

Đối với dây hội ngày 26/8/2023, bà N đóng hội lần thứ nhất với số tiền 2.000.000 đồng, do chị Ngọc H hốt và bỏ hội là 1.000.000 đồng, bà N chuyển tiền cho bà NG 28/8/2023; lần thứ hai bà N đóng hội số tiền 1.700.000 đồng, do chị H hốt và bỏ hội số tiền 1.300.000 đồng, bà N chuyển tiền cho bà NG ngày 27/9/2023; lần thứ ba bà N đóng hội số tiền 1.600.000 đồng, do chị H1 hốt và bỏ hội số tiền 1.400.000 đồng, bà N chuyển tiền cho bà NG ngày 29/10/2023.

- Bà Phan Thị NG, ông Võ Thanh P trình bày: Bà Phan Thị NG, ông Võ Thanh P không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa để trình bày nội dung vụ việc, đối chất với bà N về số nợ hội còn thiếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự - hụi; bà Phan Thị NG có địa chỉ tại Phường L, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Phan Thị NG và ông Võ Thanh P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu bà Phan Thị NG, ông Võ Thanh P cùng liên đới phải trả cho bà N số tiền hụi là 62.800.000 đồng.

[2.1] Xét dây hụi mở ngày 30/01/2022: Căn cứ biên nhận ngày 23/12/2023 thể hiện nội dung: Bà NG có mở dây hụi tháng do bà NG làm chủ hụi, bà N là hụi viên, số tiền 5.000.000 đồng/tháng, gồm 13 phần hụi, khai hụi vào ngày 30 hàng tháng, bắt đầu ngày 30/01/2022 và kết thúc ngày 30/11/2023, bà N hốt chót số tiền là 57.500.000 đồng, giao hụi ngày 07/12/2023 nhưng bà NG không giao tiền cho bà N nên bà N yêu cầu bà NG làm biên nhận vào ngày 23/12/2023, hứa đến ngày 30/01/2024 bà NG sẽ trả số tiền hụi nêu trên cho bà N nhưng đến nay không trả. Việc bà N tham gia chơi hụi do bà NG làm chủ đối với dây hụi tháng này là có thật, được thể hiện tại biên nhận ngày 23/12/2023, có chữ ký của bà NG và chữ ký của bà N nhưng đến nay bà NG chưa giao tiền hụi cho bà N như đã cam kết nên bà N khởi kiện yêu cầu bà NG trả cho bà số tiền hụi hốt chót số tiền 57.500.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của đại diện nguyên đơn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên chấp nhận.

[2.2] Xét dây hụi mở ngày 26/8/2023, bà N cho rằng bà có tham gia 01 phần hụi trong dây hụi tháng với số tiền là 3.000.000đồng/tháng do bà NG làm là chủ hụi, tổng cộng 17 phần hụi, khai hụi vào ngày 26 hàng tháng, bắt đầu ngày 26/8/2023 và kết thúc ngày 26/12/2024, bà N đã nộp cho bà NG 03 lần hụi số tiền là 5.300.000đồng (đóng hụi sống tháng 8/2023, tháng 9/2023/tháng 10/2023), đến tháng 11/2023 bà NG bẻ hụi, nên dây hụi này không tiếp tục thực hiện nữa. Việc bà N yêu cầu bà NG trả số tiền hụi đã nộp là 5.300.000 đồng, bà N có cung cấp giấy hụi viết tay nhưng không có chữ ký của bà NG và các hụi viên khác.

Tại phiên tòa, ông T đại diện theo ủy quyền của bà N cung cấp chứng cứ hình ảnh chuyển tiền qua tài khoản và sao kê chi tiết tài khoản của bà N và bà NG giao dịch tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp thể hiện bà N chuyển tiền hui cho bà NG 03 lần cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Bà N chuyển tiền cho bà NG lúc 13 giờ 24 phút 28/8/2023, số tiền 2.000.000 đồng (do chị Ngọc H hót và bỏ hui là 1.000.000 đồng).

- Lần thứ hai: Bà N chuyển tiền cho bà NG lúc 14 giờ 41 phút ngày 27/9/2023, số tiền 1.700.000 đồng (do chị H hót và bỏ hui số tiền 1.300.000 đồng).

- Lần thứ ba: Bà N chuyển tiền cho bà NG lúc 15 giờ 20 phút ngày 29/10/2023, số tiền 1.600.000 đồng (do chị H1 hót và bỏ hui số tiền 1.400.000 đồng).

Từ các chứng cứ nêu trên cho thấy bà N có nộp tiền hui cho bà NG 03 lần, số tiền 5.300.000 đồng trong đây hui mở ngày 26/8/2023, đây hui tháng với số tiền là 3.000.000đồng/tháng do bà NG làm là chủ hui là có thật nên bà N khởi kiện yêu cầu bà NG trả cho bà N số tiền nợ hui nêu trên là có căn cứ, phù hợp với lời trình bày của đại diện nguyên đơn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu liên đới: Bà N yêu cầu bà NG cùng chồng là ông Võ Thanh P liên đới phải trả cho bà N số tiền hui còn thiếu. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà NG làm chủ hui là nhằm mục đích kiếm tiền để lo cho kinh tế gia đình, tuy biên nhận ông P không có ký tên nhưng quá trình bà N nộp hui ông P biết và ông P cùng với gia đình sử dụng số tiền do bà NG kiếm được từ việc làm chủ hui. Do đó, bà N yêu cầu bà NG và ông P liên đới trả cho bà N tiền hui còn thiếu là có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Xét tiền lãi: Bà N không yêu cầu bà NG và ông P trả tiền lãi, bà NG và ông P không có ý kiến gì về tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Bà NG và ông P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; các Điều 18, Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, hui, biểu, phurong; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N.

Buộc bà Phan Thị NG và ông Võ Thanh P liên đới phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng N số tiền hui còn thiếu là 62.800.000 đồng (sáu mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị NG và ông Võ Thanh P liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.140.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà N được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.570.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012998 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Cẩm Trinh

